

Số: 30/TB-TTKN

Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Về việc Tháo dỡ, di dời, lắp đặt và cung ứng vật tư điện lạnh, thiết bị văn phòng)

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa/ Cung ứng dịch vụ

Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ (viết tắt: Trung tâm) có nhu cầu tiếp nhận báo giá dự toán gói cung ứng dịch vụ “Tháo dỡ, di dời, lắp đặt và cung ứng vật tư điện lạnh, thiết bị văn phòng” cụ thể như sau:

I. Thông tin nhận báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

- Số điện thoại: 02923 831030

- Email: hanhchinhquantri.kn.cantho@gmail.com

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp: Bản giấy báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu hợp pháp)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 23/01/2026 đến hết ngày 02/02/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Địa điểm và thời gian thực hiện khảo sát:

4.1 Địa điểm:

- Tại Cơ sở 1: Hậu Giang cũ: Số 251 Lê Hồng Phong, Phường Vị Tân, TP Cần Thơ

- Tại Cơ sở 2: Sóc Trăng cũ: Số 52 Hùng Vương, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ

- Tại Trụ sở chính: Số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, TP Cần Thơ

4.2 Thời gian:

Từ ngày 26/01/2026 đến hết ngày 02/02/2026.

4.3 Liên hệ khảo sát:

Ông Nguyễn Vĩnh Phúc, Số điện thoại: 0939 932 665; Có nhu cầu liên hệ khảo sát vui lòng gọi điện thông báo trước 1 ngày.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2026.



II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Phạm vi công việc và Kỹ thuật tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị điện lạnh.

Tháo dỡ: Thu hồi gas đúng kỹ thuật (khóa gas), tháo dàn lạnh, dàn nóng, ống đồng và các phụ kiện đi kèm.

Địa điểm thực hiện:

- **Địa chỉ tháo máy:** Số 251, Lê Hồng Phong, Phường Vị Tân, TP Cần Thơ (Hậu Giang cũ) và Số 52, Hùng Vương, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ (Sóc Trăng cũ)

- **Địa chỉ lắp đặt:** Tầng 4, Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

Vận chuyển: Trách nhiệm vận chuyển máy giữa hai địa điểm và đảm bảo an toàn thiết bị, tránh mất phụ kiện và va đập hư hỏng.

Lắp đặt: Vị trí lắp dàn lạnh (cách trần tối thiểu 30cm); dàn nóng lắp bên ngoài vách ban công Tầng 4 của toà nhà; Số lượng 13 cái; Chiều dài ống đồng tối thiểu 3m để máy hoạt động ổn định; kích thước ống đồng phải tương ứng với công suất máy, sau khi lắp đặt phải vận hành thử trước khi bàn giao.

Số lượng và chủng loại thực hiện di dời, lắp đặt: Theo phụ lục 2 (đính kèm) số lượng lắp đặt tại Tầng 4 gồm 13 cái được đánh dấu "T4" tại cột Ghi chú của phụ lục.

2. Phạm vi công việc và kỹ thuật "Tháo dỡ, di dời, lắp đặt và cung ứng vật tư điện lạnh, thiết bị văn phòng".

Tháo dỡ, di dời

- Đối với bàn ghế làm việc, tiếp khách, hội trường, tủ hồ sơ... cần che, chắn tránh nắng, mưa tiếp xúc trực tiếp, tránh cọ sát xước các bề, nứt vỡ... trong quá trình vận chuyển

- Đối với Máy tính để bàn, máy in, quạt gió... tháo dỡ cần đóng gói bằng thùng giấy chèn trạch va đập trong quá trình vận chuyển.

- Thiết bị khác, nhỏ lẻ, tài liệu hồ sơ, vật tư văn phòng phẩm dễ thất lạc cho vào thùng chứa tập trung theo cá nhân quản lý sử dụng hoặc theo nhóm tập trung tạo thuận lợi cho vận chuyển và bàn giao, tiếp nhận.

Lắp đặt: Vị trí lắp đặt tại các tầng được chỉ định ghi trên từng thiết bị theo danh sách cụ thể kèm theo. Đối với Máy tính để bàn, máy in, quạt gió... sau khi lắp đặt phải vận hành thử và bàn giao cho cá nhân quản lý sử dụng.

Số lượng và chủng loại thực hiện di dời, lắp đặt: Theo phụ lục 1 (đính kèm).

Địa điểm thực hiện:

- **Địa chỉ tháo máy:** Số 251, Lê Hồng Phong, Phường Vị Tân, TP Cần Thơ (Hậu Giang cũ) và Số 52, Hùng Vương, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ (Sóc Trăng cũ)

- **Địa chỉ lắp đặt:** Các Tầng thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

(Ghi chú: Di chuyển thiết bị nội bộ tại Trung tâm bằng thang bộ và xe đẩy hàng hoá)

3. Các thông tin bắt buộc

- Các báo giá cần có đầy đủ thông tin: Tên nhà cung cấp, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại liên hệ, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu của nhà cung cấp.

- Giá chào là đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan (nếu có).

- Nhà cung cấp cam kết giao đúng và đủ các mặt hàng theo đúng báo giá sau khi được chọn.

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa phù hợp với hàng hóa/ dịch vụ cung ứng cần báo giá; Giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có) và các tài liệu liên quan được đóng dấu rõ ràng.

+ Các mặt hàng cần ghi rõ tên hàng, quy cách đóng gói theo nhà sản xuất (khối lượng/ đơn vị đóng gói), nguồn gốc/ xuất xứ, giá cả của từng loại mặt hàng.

Các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 3 (đính kèm). Trường hợp nhà cung cấp không sử dụng đúng biểu mẫu báo giá của Trung tâm nhưng nội dung cung cấp đầy đủ, rõ ràng và đảm bảo các thông tin cần thiết theo yêu cầu thì vẫn được chấp nhận.

4. Báo giá phải gửi đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu báo giá tại khoản 1,2,3

Phần II.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc, các Khoa/phòng;
- Phòng HCQT (Đăng trang web);
- Lưu VT.

File: D/2026.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

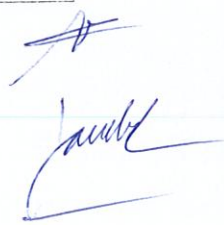


Lâm Hoàng Dũng

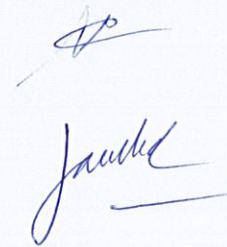
Đính kèm Thông báo số: 30.....TB-TTKN, ngày 23.. tháng 01.. năm 2026

Phụ lục 1

A. Danh mục Thiết bị văn phòng tại cơ sở 1 (Hậu Giang cũ) Số 251, Lê Hồng Phong, Phường Vị Tân, TP Cần Thơ				
STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	QUY CÁCH/ MODEL	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Phòng Giám Đốc			
1	Bàn họp ô van	1,0m x 2,4m	1	
2	Ghế đai gỗ hội trường		10	
3	Salon ghế nhỏ		2	
4	Salon ghế dài		1	
5	Salon ghế đôn		1	
6	Bàn làm việc	1,0m x 2,0m	1	
7	Bàn máy vi tính	0,5m x 1,0m	1	
8	Ghế bành giám đốc	0,6m x 0,8m x 1,4m	1	
9	Bộ máy tính		1	
10	Máy in 2 mặt		1	
11	UBS		1	
12	Tủ gỗ	1,0m x 1,8m	2	
13	Máy nước nóng		1	
14	Tủ lạnh Sanaky	120 lít/ Sanaky	1	
15	Chân bình nước inox		1	
16	Băng khen		2	
II	Phòng họp (Lầu 1)			
1	Bàn Họp hội trường ghép hình ovan	1,6m x 0,76m x 6m	1	
2	Bục bác	0,5m x 0,5m x 1,2m	1	
3	Tượng bác	0,2m x 0,5m x 0,6m	1	
4	Bảng sơ đồ tổ chức	1,2 m x 2,0m	1	
5	Quạt treo tường senko	Senko	2	
6	Ghế hội trường nhỏ	Chân sắt, nệm ni	26	
7	Chứng nhận ISO	(0,25m x 0,4m)	2	
III	Phòng PGĐ 1			
1	Salon gỗ nhỏ		2	
2	Salon dài		1	
3	Bàn salon		1	
4	Bàn gỗ	0,6m x 1,2m x 0,8m	1	
5	Ghế xoay		1	

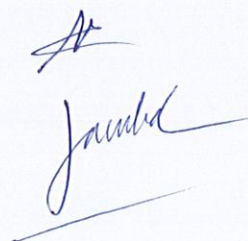


6	Kệ bình nước Inox		1	
7	Ghế dài gỗ Hội trường		2	
8	Tủ hồ sơ	1,2m x 1,8m	1	
9	UBS		1	
10	Bộ máy tính để bàn		1	
11	Máy in HP		1	
IV	Phòng PGĐ 2			
1	Tủ lưu hồ sơ	1,0m x 1,8m	1	
2	Tủ gỗ	1,2m x 1,8m	1	
3	Ghế dài gỗ Hội trường		2	
4	Salon gỗ nhỏ		2	
5	Salon dài		1	
6	Salon đơn		1	
7	Bàn làm việc lớn	0,7m x 1,4m	1	
8	Bàn máy vi tính	0,5m x 0,8m x 1,2m	1	
9	Ghế xoay		1	
10	Bộ máy tính		1	
11	Máy in canon 2900		1	
12	UBS		1	
13	Tủ lạnh	GV-B262BL	1	
14	Ghế Inox		1	
15	Bộ loa vi tính		1	
16	Kệ bình nước Inox		1	
17	Quạt treo tường senko		1	
V	Phòng kế toán trưởng			
1	Tủ sắt lưu hồ sơ	0,5m x 1,0m x 1,5m	2	
2	Bao hồ sơ		5	
3	Tủ gỗ	1,2m x 1,8m	1	
4	Ghế Hội trường		1	
5	Quạt trần Senko		1	
VI	Phòng Trưởng phòng hành chính tổng hợp			
1	Tủ hồ sơ	1,2m x 1,8m	1	
2	Bàn khách	1,0m x 2,2m	1	
3	Bộ máy chiếu + giá màn		1	
4	Ghế dài gỗ hội trường		7	
5	Quạt trần Senko		1	

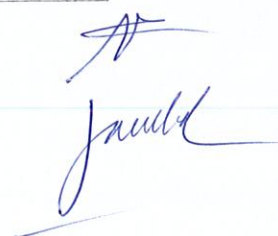


VII Phòng hành chính tổng hợp				
1	Tủ gỗ lớn	1,2m x 1,8m	2	
2	Tủ hồ sơ	1,0m x 1,8m	1	
3	Kệ sắt	0,5m x 1,0m x 1,6m	1	
4	Đồng hồ treo tường		1	
5	Ghế đai gỗ hội trường		1	
6	Điện thoại bàn		1	
7	Màn hình máy tính		1	
8	USP		1	
9	Quạt trần Senko		2	
10	Kệ nhôm kính		1	
11	Kệ nước uống Inox		1	
12	Bàn hội trường	0,5m x 0,8m x 2,0m	1	
13	Kết sắt	0,5m x 0,5m x 1,0m	1	
VIII Bộ phận nhận mẫu và trả mẫu - Hành chính tổng hợp				
1	Kệ nhôm kính	0,6m x 1,0m x 1,4m	1	
2	Tủ hồ sơ inox	1,8m x 0,8m	1	
3	Bàn làm việc gỗ EDF	0,7m x 0,8m x 1,2m	1	
4	Ghế đai gỗ hội trường		1	
5	Ghế phòng họp	Chân sắt, nệm nỉ	2	
6	Bộ máy tính + UBS		1	
7	Máy in canon		1	
8	Máy in màu Epson		1	
9	Quạt trần Senko		1	
IX Hội trường lớn				
1	Bàn hội trường Hòa phát	Chân sắt, nệm nỉ (0,5m x 0,5m x 1,2m)	20	
2	Bộ màn Hội trường	Pont nền + Viên + cờ đảng + cờ nước	1	
3	Khung hội trường	1,2m x 2,0m	2	
4	Quạt trần Senko		3	
5	Quạt đứng Senko		2	
6	Loa Hội trường		4	
7	Tượng Bác		1	
8	Bục Bác	0,5m x 0,5m x 1,2m	1	
9	Bục phát biểu	0,6m x 0,8m x 1,5m	1	
10	Ghế hội trường 0398	Hoà phát mã 0398	69	
11	Amplifier Hội trường		1	
X Cầu thang cạnh HCTH				

1	Máy Potocoppy Ricoh	RICOH M2701	1	Hư chờ sửa chữa
2	Bảng thông tin	1,0m x 1,2m	1	
3	Bục phát biểu di động (inox)	Cao 1,2m	1	
XI	Hành lang của 02 tầng (Bình chữa cháy ,dụng cụ thoát hiểm ,..)			
1	Thiết bị PCCC	Bình bột- MFZL8	8	
2		Bình CO2- MT5	9	
3	Bộ dụng cụ thoát hiểm	Búa+ xà beng + xô + chăn + xẻn	1	
4	Tủ mát SANAKY	VH88k	1	
5	Tủ sơ cứu	0,2m x 0,5m x 0,6m		
6	Bộ hút mẫu đồng thời-áp suất âm	0,25m x 0,45m x 0,5m	1	
7	Ổn áp 10KVA	Lion 10KVA	1	
XII	Kho Văn phòng phẩm (cạnh kế toán trưởng)			
1	Thùng vật tư		3	
2	Bao hồ sơ		5	
3	Quạt hút senko	0,25m x 0,35m	1	
XIII	Kho lưu mẫu			
1	Mẫu lưu	10 bao + 6 thùng caton		
2	Kệ sắt	0,5m x 1,0m x 1,6m	1	
3	Tủ sắt lưu mẫu	1,2m x 1,8m	2	
5	Tủ hồ sơ inox	1,0m x 1,6m	1	
6	Nhiệt ẩm kế		1	
XIV	Phòng ăn tập thể			
1	Bàn kính inox	1m x 2,2m	1	
2	Thùng giữ nhiệt	0,3m x 0,4m x 0,5m	3	
3	Thùng bảo quản mẫu	0,45m x 0,5m 1,0m	1	
4	Tủ chén nhôm kính	1,2m x 1,8m	1	
5	Quạt treo tường Senko		2	
6	Kệ ly nhựa	loại 4 tầng	1	
7	Bàn tròn Inox	1,2m x 2,0m	3	
8	Ghế nhựa Duy tân		25	
9	Ghế hội trường	Hoà Phát mã 0398	3	
XV	Kho chứa hồ sơ 1			



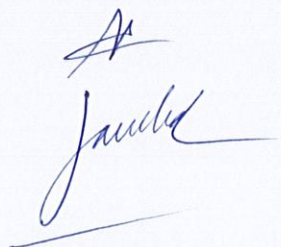
1	Hồ sơ đảng + Hồ sơ kết quả mẫu KN	Bao niêm phong	24	
2	Màn hình máy tính	14 inch	3	
3	CPU hư		2	
4	Máy in Canon		1	
5	Kệ chứa hồ sơ	0,5M x 2m x 1,8m	2	
6	Hồ sơ chứng từ kế toán	Bao niêm phong	5	
7	Quạt treo tường Senko		1	
XVI	Kho chứa hồ sơ 2			
1	Kệ hồ sơ	0,5m x 2m x 1,8m	2	
2	Thùng rác mới		8	
3	Hồ sơ lưu mẫu	Bao niêm phong	14	
4	Vật tư tiêu hao	Bao niêm phong	3 B+1T	
5	Hộp nhựa Duy tân	0,25m x 0,45m	5	
6	Văn phòng phẩm	Thùng carton	2	
7	Tủ lạnh LG 180lit - Lưu chuẩn	LG-180	1	
XVII	Phòng Trưởng Phòng Vật lý đo lường			
1	Tủ hồ sơ	1 tủ ván ép cửa kính 1 tủ sắt (Hòa phát)	2	
2	Quạt treo tường Senko		1	
XVIII	Phòng Hành chính Vật lý đo lường			
1	Bàn họp lớn và ghế (Bàn giao ban phòng)	Bàn ván ép (1,6m x 0,76m x 3,0m + 08 ghế nệm)	01 bộ	
2	Ghế gỗ Hội trường	1 ghế gỗ 02 ghế gỗ lót nệm	3	
3	Tủ hồ sơ và hồ sơ ISO	1,2m x 1,8m 02 tủ ván ép, cửa kính; 01 tủ sắt hòa phát	3	
4	Kệ sắt lưu hồ sơ	0,5m x 1,0m x 1,6m	2	
5	Máy tính để bàn		2	
6	Máy in		1	
7	Máy Scanner		1	
8	Quạt trần Senko		3	
XIX	Phòng Trưởng Phòng hóa vi sinh			



1	Tủ sắt	0,6m x 1,2m x 1,8m	1	
2	Tủ gỗ	0,6m x 1,0m x 1,8m	1	
3	Bàn làm việc	0,6m x 1,2m x 0,8m	1	
4	Bàn gỗ mặt đá	0,8m x 1,2m x 0,4m	1	
5	Ghế xoay		1	
6	Ghế đai gỗ Hội trường		1	
7	Máy in HP	HP Laser 103	1	
8	Quạt treo tường Senko		1	
XX	Phòng hành chính Hóa Vi Sinh			
1	Bàn làm việc	0,6m x 1,2m x 0,8m	5	
2	Ghế đai gỗ Hội trường		4	
3	Ghế xoay		3	
4	Ghế họp	Khung sắt nệm ni	8	
5	Bàn họp	Bàn ván ép (1,6m x 0,76m x 3,0m)	1	
6	Bàn đá nhỏ	0,8m x 1,2m x 0,4m	1	
7	Bộ máy tính để bàn		3	
8	Máy in (2900; LBP 1210)		4	
9	Scanner		1	
10	Tủ gỗ	0,6m x 1,0m x 1,8m	2	
11	Tủ sắt	0,6m x 1,2m x 1,8m	1	
12	Quạt trần Senko		2	
13	Kệ đựng bình nước Inox		1	
14	Bao hồ sơ		5	

Phụ lục 1

B. Danh mục Thiết bị văn phòng tại cơ sở 2 (Sóc Trăng) Số 52 Hùng Vương, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ				
STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	QUY CÁCH/ MODEL	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	P. HÀNH CHÍNH - DỊCH VỤ			
1	Máy vi tính để bàn FPT 1		1	

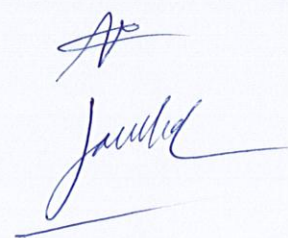


2	Máy vi tính để bàn FPT 2		1	
3	Máy vi tính để bàn FPT 3		1	
6	Máy vi tính để bàn G5420	G5420	1	
7	Máy vi tính để bàn G5420	G5420	1	
8	Máy vi tính để bàn G5420	G5420	1	Thanh lý
9	Máy vi tính để bàn G5420	G5420	1	Thanh lý
10	Máy vi tính để bàn core i3-4160	i3-4160	1	Thanh lý
11	Máy vi tính để bàn i3-3220	i3-3220	1	Thanh lý
14	Máy photocopy Sharp AR 6031N	Sharp AR 6031N	1	Bị lỗi
15	Máy chiếu Panasonic PT-LB382	Panasonic PT-LB382	1	
17	Bàn hội trường		20	
18	Bàn Inox		3	
19	Bàn kiếng	1,2m x 2,0 m	1	
20	Bàn làm việc (TC)		3	
21	Bộ bàn ghế gỗ (GD)		1	
22	Bút gỗ (HT)		2	
23	Ghế hội trường		32	
24	Ghế ngồi inox (nệm trắng)		10	
25	Ghế nhựa		28	
26	Kệ sắt hộp kẽm		2	
27	Kệ dép		2	
28	Loa JAMMY		1	
29	Máy hủy giấy		1	
30	Máy in Brother 2321	Brother 2321	1	
31	Máy in Brother 2321 (T.chuẩn)	Brother 2321	1	
32	Máy in canon 2900	canon 2900	3	
33	Tủ hồ sơ 10 cánh		2	
34	Tủ hồ sơ 4 cánh		1	




35	Tủ lưu mẫu		2	
36	Tủ lưu mẫu 1		2	
37	Tủ tiêu chuẩn		2	
38	Tủ thuốc y tế		1	
39	Quạt đảo Hali		1	Hư
40	Quạt đứng		2	
41	Quạt đảo SENKO	SENKO	6	
42	QUẠT ĐẢO SENKO	SENKO	2	
43	Bình PCCC		2	
44	Tủ Hồ sơ 4 cửa (2)	0,6m x 1,2 m x 1,8m	1	
45	Tủ Hồ sơ 4 cửa (3)	0,6m x 1,2 m x 1,8m	1	

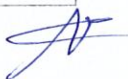
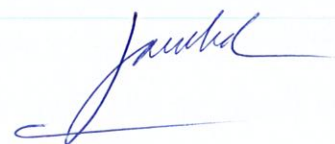
47	Tủ Lạnh	250 lít	1	
48	Máy đo nhiệt độ tiếp xúc 2 kênh Extech EA10	Extech EA10	1	
49	Máy nóng lạnh nước Kangaroo KG32N	Kangaroo KG32N	2	
50	Máy nóng lạnh nước Kangaroo KG3331	Kangaroo KG3331	1	
51	Bếp hồng ngoại JUNGER	JUNGER	1	
52	Camera 1		1	
53	Camera 2		1	
54	Camera 3		1	
55	Camera 4		1	
56	Tủ Hồ sơ 4 cửa (1)	0,6m x 1,2 m x 1,8m	1	
57	Kệ gỗ tài liệu	0,5m x 1,0m x 1,2m	1	
58	Kết sắt H765	0,4m x 0,5m x 1,0m	1	
60	Bơm nước panasonic	Bơm áp cao 0,5 HP	1	
61	Máy vi tính để bàn (Máy in canon)		1	
62	Quạt đảo Senko	Senko	1	
63	Màng chiếu 3 chân		1	
II	KHO TÀI LIỆU			
1	Tổng hồ sơ trong kho	30cm x 21cm x 100cm	100 mét	



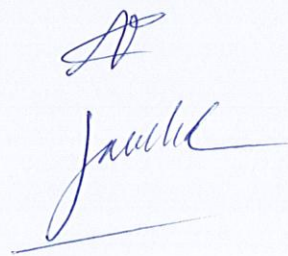
Đính kèm Thông báo số: ..30...TB-TTKN, ngày 23 tháng 01 năm 2026

Phụ lục 2

A. Danh mục Máy lạnh tại cơ sở 1 (Hậu Giang cũ) Số 251, Lê Hồng Phong, Phường Vị Tân, TP Cần Thơ				
STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	QUY CÁCH/ MODEL	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy lạnh SAM SUNG - AR13TYHYCWKN - Công suất 12.000BTU, 1250w	AR13TYHYCWKN - Công suất 12.000BTU, 1250w	1	HCTH P. NM
2	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	HCTH P.HC L4
3	Máy lạnh DAIKIN - FTKA35UAVMV- 3.500W	FTKA35UAVMV- 3.500W	1	HCTH P. TP L4
4	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	P. KẾ TOÁN L4
5	MÁY LẠNH DAIKIN - FTKA25UAVMV- 2.500W	FTKA25UAVMV- 2.500W	1	HCTH P. PGĐ
6	MÁY LẠNH DAIKIN - FTKA35UAVMV- 3.500W	FTKA35UAVMV- 3.500W	1	HCTH P. PGĐ L4
7	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	HCTH P. GIÁM ĐỐC L4
8	Máy lạnh DAIKIN - FTKA25UAVMV- 2.500W	FTKA25UAVMV- 2.500W	1	KHO HOÁ CHẤT L4
9	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	HCTH P. HỘI TRƯỞNG

10	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	P. HỘI TRƯỜNG lớn
11	Máy lạnh DAIKIN - R35FV1M- 1.171W	R35FV1M- 1.171W	1	Kho lưu mẫu
12	Máy lạnh DAIKIN - R35FV1M- 1.171W	R35FV1M- 1.171W	1	PHÒNG NGHỈ TRƯA CHO NHÂN VIÊN
13	Máy lạnh TOSHIBA - RAS18S2AX-V 2750W	RAS18S2AX-V 2750W	1	PHÒNG HỌP
14	Máy lạnh TOSHIBA - RAS14NAX-V 2530W	RAS14NAX-V 2530W	1	PHÒNG HỌP
15	Máy lạnh COMFEE - CFS- 10VWGF-V - Công suất 9.5000BTU, 1150w	CFS-10VWGF-V - Công suất 9.5000BTU, 1150w	1	VLĐL P. CÂN
16	Máy lạnh DAIKIN - FTKA35UAVMV- 3.500W	FTKA35UAVMV- 3.500W	1	VLĐL P. TP L4
17	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	VLĐL P. HC
18	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	VLĐL P. TB PT 1 L4
19	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	VLĐL P. TB PT 1 Hồng
20	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	VLĐL P. RỬA L4
21	MÁY LẠNH DAIKIN - FTKA35UAVMV- 3.500W	FTKA35UAVMV- 3.500W	1	HCTH P. TBPT 1 AAS



22	Máy lạnh TOSHIBA - RAS10S2AX-V2 1140W	RAS10S2AX-V2 1140W	1	VLDL KHO HOA CHẤT
23	Máy lạnh DAIKIN - FTKA25UAVMV- 2.500W	FTKA25UAVMV- 2.500W	1	HVS P. CÂN L4
24	Máy lạnh DAIKIN - FTKA35UAVMV- 3.500W	FTKA35UAVMV- 3.500W	1	HVS P. TBPT CHUẨN BI MẪU L4
25	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	HVS P. DC TN (Hồng)
26	Máy lạnh DAIKIN - FTKA50UAVMV- 5.000W	FTKA50UAVMV- 5.000W	1	HVS P. HC L4
27	Máy lạnh DAIKIN - FTKA35UAVMV- 3.500W	FTKA35UAVMV- 3.500W	1	HVS P. TP L4

Tổng: 27

13 cái L4

Phụ lục 2

B. Danh mục Máy lạnh tại cơ sở 2 (Sóc Trăng cũ) Số 52 Hùng Vương, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ.				
STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	QUY CÁCH/ MODEL	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy lạnh Mitsubishi Heavy 10YXP	Heavy 10YXP	1	HCDV
2	Máy lạnh Mitsubishi Heavy	Heavy 10YXP	1	HCDV
3	Máy lạnh Panasonic 1HP	1,0 HP	1	HCDV
4	Máy lạnh Mitsubishi Heavy 10YXP	Heavy 10YXP	1	KNTH
5	Máy lạnh Panasonic		1	KNTH
6	Máy Lạnh Sharp 1HP	1,0 HP	1	KNTH
7	Máy lạnh Mitsubishi Heavy 10YXP	Heavy 10YXP	1	KNMPTP

CẦN THƠ

Handwritten signature

8	Máy lạnh Mitsubishi Heavy 10YXP	Heavy 10YXP	1	KNMPTP
9	Máy lạnh		1	KNMPTP

Tổng:

9





TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
MÃ SỐ THUẾ:.....

Phụ lục 3

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở Thông báo yêu cầu báo giá số /TB-TTKN ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho “*Tháo dỡ, di dời, lắp đặt và cung ứng vật tư điện lạnh, thiết bị văn phòng*” như sau:

Stt	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Thuế suất % VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT (VNĐ)	Ghi chú
1						
2						
n						
Tổng cộng trước thuế VAT						
			Tổng thuế VAT			
			Tổng cộng đã có thuế VAT			
Bằng chữ:.....						

2. Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

3. Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2026

4. Chúng tôi cam kết:

- Về chất lượng dịch vụ/ hàng hoá của mình cung cấp.

- Thực hiện cung cấp đầy đủ, đúng số lượng và đơn giá tất cả các dịch vụ/ hàng hoá theo báo giá mình cung cấp.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các dịch vụ/ hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)